

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2024/HS-ST
Ngày 07/3/2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đường Anh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bình;
Bà Nguyễn Ngọc Cúc.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Trần Thương M**, sinh ngày 16/01/1992; tên gọi khác: Không; nơi sinh tỉnh Cà Mau; nơi đăng ký thường trú: **Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau**; nơi cư trú: **Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai**; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Văn L**, sinh năm 1958 và bà **Phạm Thị S**, sinh năm 1959 (đã chết); gia đình có 07 anh chị, bị cáo là con út, có vợ là **Ngô Thị M1**, sinh năm 1993 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2011, sống chung như vợ chồng với **Bùi Thị H**, sinh năm 1993 và có 01 con sinh năm 2018; tiền án: Bản án số 21/2020/HS-ST ngày 19/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội: “Cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày 06/01/2020, chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/7/2022; tiền sự: Không; bị bắt quả tang và tạm giữ ngày 01/9/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ **Công an huyện V**, tỉnh Đồng Nai; bị cáo có mặt.

2/ Họ và tên: **Trần Ngọc T**, sinh ngày 22/01/1998; tên gọi khác: Không; nơi sinh tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: **F, khu phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**; nghề nghiệp: Sửa xe; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Ngọc Q**, sinh năm 1963 và bà **Hoàng Thị Kim H1**, sinh năm 1970; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai, sống chung như vợ chồng với **Trần Thị Thu H2**, sinh năm

1999 và có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt quả tang và tạm giữ ngày 02/9/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh Đồng Nai; bị cáo có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 01/9/2023, Trần Thương M đang ở nhà tại ấp A, xã T, huyện V nhận được điện thoại gọi qua mạng zalo của đối tượng nghiện tên N (không rõ họ, địa chỉ) hỏi mua 300.000 đồng ma túy đá thì M đồng ý và hẹn giao nhận ma túy tại khu vực đường C - C, xã T, huyện V. Khoảng 21 giờ 20 phút, M điều khiển xe mô tô biển số 60B9-196.97 đi giao ma túy, khi đi đến đoạn đường thuộc ấp B, xã T, huyện V, Đồng Nai thì gặp lực lượng Công an huyện V phối hợp với Công an xã T yêu cầu dừng xe kiểm tra phát hiện M đang cất giấu 02 bịch ma túy (01 bịch nylon chứa ma túy đá trong túi áo và 01 bịch nylon chứa ma túy đá trong cốp xe máy của M), lực lượng Công an lập biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang chuyển hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra M khai nhận 02 bịch nylon chứa ma túy đá trên Mền mua của một người thanh niên tên T (không rõ lai lịch) vào ngày 31/8/2023 với giá 5.300.000 đồng tại khu vực vườn trà gần quán cơm "T" thuộc ấp V, xã T, huyện V. Mền sử dụng 01 điện thoại hiệu Oppo A77S, 01 điện thoại Nokia 105 để liên lạc với các đối tượng nghiện để mua bán ma túy.

Từ lời khai của M, Cơ quan điều tra xác định người bán ma túy cho M là Trần Ngọc T, sinh ngày 22/01/1998, hộ khẩu thường trú tại khu phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai nên mở rộng điều tra. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 02/9/2023, lực lượng tuần tra 161 Công an huyện V tuần tra đoạn đường thuộc ấp V, xã T, huyện V phát hiện T điều khiển xe mô tô biển số 59Y2-797.50, trong túi quần bên phải của T có 01 bịch nylon chứa ma túy thì bị lực lượng Công an lập biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang. T khai nhận bịch nylon là ma túy đá T đang đem đi bán cho đối tượng nghiện. Sau đó T dẫn lực lượng Công an về nhà tại địa chỉ 62/3, khu phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai giao nộp 01 bịch nylon chứa ma túy đá, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy. T khai nhận số ma túy này mục đích để bán cho đối tượng nghiện.

Quá trình điều tra T khai nhận ngày 31/8/2023, bán cho Trần Thương M 01 bịch ma túy với giá 5.300.000 đồng tại khu vực vườn trà gần quán cơm "T" thuộc ấp V, xã T, huyện V. Nguồn gốc ma túy này do T mua của đối tượng tên H3 (không rõ họ và địa chỉ) tại khu vực Trường Cao đẳng Y thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. T sử dụng điện thoại Nokia 106, màu xanh để liên lạc mua bán ma túy, còn điện thoại hiệu Iphone 12 Pro sử dụng liên lạc cá nhân, không sử dụng liên lạc mua bán ma túy.

Vật chứng, tài sản thu giữ:

Thu giữ của Trần Thương M 01 xe mô tô biển số 60B9-196.97 số máy 55P1249837, số khung 5P10DY249826; 01 điện thoại hiệu Oppo A77S màu đen; 01 điện thoại Nokia 105 màu xám; 02 bịch nylon được hàn kín 02 đầu có

kích thước (01cm x 4cm và 5,5cm x 6cm) bên trong chứa tinh thể màu trắng (nghĩ là ma túy đá); 01 cái kéo; 01 cân tiểu ly màu đen; 01 đoạn ống hút trong suốt.

Thu giữ của **Trần Ngọc T** 01 xe mô tô Honda Nova dash biển số 59Y2-797.50; 01 bịch nylon chứa tinh thể màu trắng (nghĩ là ma túy) thu giữ trong túi quần **T**; 01 bịch nylon chứa tinh thể màu trắng (nghĩ là ma túy) **T** tự nguyện giao nộp; 01 điện thoại Nokia 106 màu xanh; 01 điện thoại hiệu Iphone 12 Pro màu xám; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm 01 chai nhựa gắn 01 nõ thủy tinh nối với 01 ống thủy tinh và 01 nõ thủy tinh đã qua sử dụng; số tiền 600.000 (Sáu trăm nghìn đồng).

Kết quả xác minh, xử lý tang vật, tài sản tạm giữ:

Xe mô tô biển số 60B9-196.97 số máy 55P1249837, số khung 5P10DY249826, do ông **Trương Công H4**, sinh năm 1993, ngụ **ấp B, xã T, huyện V** đứng tên chủ sở hữu. Năm 2013, ông **H4** bán xe mô tô cho bà **Bùi Thị H**, sinh năm 1993, ngụ tại **ấp A, xã T, huyện V** (không làm thủ tục sang tên). Ngày 31/8/2023, **M** mượn xe đi công việc, bà **H** không biết **M** sử dụng làm phương tiện bán ma túy. Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện V** đã giao trả xe mô tô biển số 60B9-196.97 cho bà **Bùi Thị H** là chủ sở hữu.

Xe mô tô xe mô tô Honda Nova dash biển số 59Y2-797.50, có số khung NZ125N0229354, số máy NZ125NE0229354. Qua tra cứu số khung, số máy trên không phải của xe mô tô biển số 59Y2-797.50 mà của xe mô tô Honda Dream II biển số 77F1-0580 do ông **Nguyễn Ngọc T1**, sinh năm 1956, ngụ tại **số A, N, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định** đứng tên chủ sở hữu. Năm 2001, ông **T1** bán xe trên cho người đàn ông (không xác định họ tên, địa chỉ). Xe trên không xác định được chủ sở hữu hợp pháp, xe không rõ nguồn gốc, không nằm trong hệ thống quản lý xe vật chứng. Năm 2022, **T** mua lại xe máy cũ sử dụng đến nay.

Tại Kết luận giám định chất ma túy số 1973/KL-KTHS ngày 06/9/2023 của Giám định viên **Phòng K Công an tỉnh Đ** kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng (ký hiệu M1) được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,1838 gam, loại Methamphetamine. Mẫu tinh thể màu trắng (ký hiệu M2) được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 8,8606 gam, loại Methamphetamine, là ma túy thu giữ của **Trần Thương M**.

H5 lại đối tượng sau giám định có khối lượng M1 là 0,1457gam; M2 là 8,8309gam, được niêm phong tại phong bì số 1973/LK-KTHS.

Tại Kết luận giám định chất ma túy số: 1976/KL-KTHS ngày 08/9/2023 của Giám định viên **Phòng K Công an tỉnh Đ** kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng (ký hiệu M) được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,2726 gam, loại Methamphetamine. Mẫu tinh thể màu trắng (ký hiệu M1) được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 9,7169 gam, loại: Methamphetamine, là ma túy thu giữ của **Trần Ngọc T**.

H5 lại đối tượng sau giám định có khối lượng M1 là 0,2559gam; M2 là 9,6251gam, được niêm phong tại phong bì số 1976/LK-KTHS.

Bản Cáo trạng số: 27/CT-VKSVC ngày 17/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu truy tố bị cáo **Trần Thương M** và **Trần Ngọc T** về tội:

“Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu trình bày luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251; điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự; xử phạt: **Trần Thương M** từ 09 năm đến 10 năm tù;

Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự; xử phạt: **Trần Ngọc T** từ 09 năm đến 10 năm tù;

Về xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật; về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị cáo: Các bị cáo không trình bày lời bào chữa.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, rất ăn năn, hối hận và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện V**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **huyện V**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo **Trần Thương M** và **Trần Ngọc T** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án, đã có đủ cơ sở xác định:

Lúc 21 giờ 20 ngày ngày 01/9/2023, tại khu vực **ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai**, **Trần Thương M** mang theo trên người 9,0444 gam ma túy loại Methamphetamine, mục đích để đi bán cho đối tượng nghiện thì bị **Công an huyện V** phối hợp **Công an xã T** kiểm tra, phát hiện tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện V** xử lý.

Từ lời khai hợp tác của **M** trong quá trình mở rộng điều tra, lúc 17 giờ 40 phút ngày 02/9/2023, tại **đường Đ thuộc ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai**, **Trần Ngọc T** mang theo trên người 9,9895 gam ma túy loại Methamphetamine, mục đích để đi bán cho đối tượng nghiện thì bị **Công an huyện V** kiểm tra, phát hiện tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Các bị cáo đồng ý với bản cáo trạng truy tố và đồng ý với Kết luận giám định số: 1973/KL-KTHS ngày 06/9/2023 và số: 1976/KL-KTHS ngày 08/9/2023 của Giám định viên **Phòng K Công an tỉnh Đ** và không có ý kiến gì thêm.

Đôi chiếu lời khai của các bị cáo tại phiên tòa với lời khai của người tham gia tố tụng khác và các chứng cứ, tài liệu mà Cơ quan điều tra đã thu thập, nhận thấy có đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo **Trần Thương M** và **Trần Ngọc T** đã phạm vào tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo đều là người từng sử dụng ma túy, biết tác hại của ma túy, biết ma túy là chất gây nghiện được Nhà nước độc quyền quản lý về việc cất giữ, vận chuyển cũng như mua bán các loại chất này. Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất gây nghiện của Nhà nước mà còn là nguyên nhân phát sinh tội phạm khác như trộm cắp, cướp giật và các loại tệ nạn xã hội khác.

[3] Xét tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia tội phạm của từng bị cáo trong vụ án thể hiện;

Các bị cáo cố ý cùng thực hiện một tội phạm, phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo **M** và **T** đều là người sử dụng ma túy, cùng mang ma túy theo người (khối lượng ma túy của **T** nhiều hơn của **M**) với mục đích bán trái phép chất ma túy cho các đối tượng nghiện để kiếm lời thì bị Công an kiểm tra, phát hiện lập biên bản bắt giữ người trong trường hợp phạm tội quả tang. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm đối với từng bị cáo.

Về hình phạt dành cho các bị cáo **M** và **T** ngang nhau, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm như đã phân tích. Do vậy, để cá thể hóa trách nhiệm hình sự và hình phạt, cần phải xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng để các bị cáo lấy đó làm bài học cho mình mà tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời cũng để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung tội phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo **T** không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo **M** phạm tội thuộc trường hợp “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo **M** tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá giải quyết vụ án để bắt giữ **Trần Ngọc T**; bị cáo **T** chưa có tiền án, tiền sự; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ nêu trên để quyết định hình phạt cho từng bị cáo mà vẫn đạt được yêu cầu của việc phòng và chống tội phạm.

[6] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật hình sự: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Do các bị cáo nghề nghiệp và thu nhập không ổn định, không có tài sản, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) xe mô tô biển số 59Y2-797.50, có số khung NZ125N0229354, số máy

NZ125NE0229354; 01 (một) điện thoại hiệu Oppo A77S màu đen; 01 (một) điện thoại Nokia 105 màu xám; 01 (một) điện thoại hiệu Nokia 106 màu xanh, là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy đối tượng sau giám định trong niêm phong số 1973/LK-KTHS ngày 06/9/2023 và số 1976/LK-KTHS ngày 08/9/2023; 01 (một) cái kéo; 01 (một) đoạn ống hút trong suốt; 01 (một) cân tiểu ly màu đen; 01 (một) chai nhựa; 01 (một) gói niêm phong bên trong là 01 (một) ống thủy tinh và 02 (hai) nỏ thủy tinh, là vật chứng liên quan đến tội phạm.

Buộc bị cáo **Trần Ngọc T** nộp lại số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do phạm tội mà có để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Trả lại cho bị cáo **Trần Ngọc T** 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 12 Pro màu xám và số tiền 600.000đ (Sáu trăm ngàn đồng), do không liên quan đến tội phạm.

[8] Đối với các đối tượng tên **T2** nhỏ và em của **T2**, **H** và một số đối tượng thực hiện hành vi mua ma túy với **M**; đối tượng tên **H3** bán ma túy cho **T**; đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện V** tiếp tục xác minh xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với **Trần Thương M** còn khai nhận ngoài lần bán ma túy cho đối tượng tên Nhứt vào ngày 31/8/2023, **M** còn nhiều lần bán cho các con nghiện tên **T2** nhỏ và em của **T2**, **Hải B** (không rõ họ, địa chỉ) tại khu vực **xã T và xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai**. Tuy nhiên kết quả điều tra không xác định được người mua ma túy của **M**, ngoài lời khai của **M** thì không có tài liệu khác chứng minh **M** đã bán ma túy cho những người này, nên không có căn cứ xử lý về hành vi này là đúng quy định của pháp luật.

Đối với tên **H3** (không rõ họ và địa chỉ) bán ma túy cho **T** tại khu vực **Trường Cao đẳng Y** thuộc **phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**. Hành vi Hy bán ma túy không thuộc địa bàn **huyện V**. Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện V** đã thông báo nguồn tin về tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B**, tỉnh Đồng Nai để thụ lý giải quyết theo thẩm quyền là đúng với quy định của pháp luật.

[9] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm i khoản 2 Điều 251; điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật hình sự (áp dụng cho bị cáo **Trần Thương M**).

Căn cứ vào điểm i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật hình sự (áp dụng cho bị cáo **Trần Ngọc T**).

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự. Điều 45, Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 327, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo **Trần Thương M** và **Trần Ngọc T** phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”. Xử phạt:

Bị cáo **Trần Thương M** 09 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/9/2023.

Bị cáo **Trần Ngọc T** 09 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/9/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) xe mô tô biển số 59Y2-797.50, có số khung NZ125N0229354, số máy NZ125NE0229354; 01 (một) điện thoại hiệu Oppo A77S màu đen; 01 (một) điện thoại Nokia 105 màu xám; 01 (một) điện thoại hiệu Nokia 106 màu xanh. Tịch thu tiêu hủy đối tượng sau giám định trong niêm phong số 1973/LK-KTHS ngày 06/9/2023 và số 1976/LK-KTHS ngày 08/9/2023; 01 (một) cái kéo; 01 (một) đoạn ống hút trong suốt; 01 (một) cân tiểu ly màu đen; 01 (một) chai nhựa; 01 (một) gói niêm phong bên trong là 01 (một) ống thủy tinh và 02 (hai) nỏ thủy tinh.

Buộc bị cáo **Trần Ngọc T** nộp lại số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Trả lại cho bị cáo **Trần Ngọc T** 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 12 Pro màu xám và số tiền 600.000đ (Sáu trăm ngàn đồng).

(Theo biên lai thu tiền số 0004305 ngày 22/01/2024 và biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai).

3. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Công an huyện Vĩnh Cửu;
- Cơ quan Thi hành án hình sự huyện Vĩnh Cửu;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đường Anh Sơn